

Hòa Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt

Căn cứ Thông tư 26/2017/TT-BYT ngày 26 tháng 06 năm 2017 của Bộ Y tế về Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh có Kế hoạch số 719/KH-KSBT về việc Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đã tiến hành kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch cho mục đích sinh hoạt 15 cơ sở cung cấp nước sạch trực thuộc 03 đơn vị cấp nước (Công ty Cổ phần nước sạch Hòa Bình, Công ty Cổ phần thương mại Dạ Hợp, Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh) trên địa bàn thành phố, kết quả kiểm tra như sau:

I. Kết quả kiểm tra:

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật:

1. 1. Nhà máy nước sạch Sông Đà - Công ty Cổ phần thương mại Dạ Hợp:

- Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước: Cơ sở thực hiện đầy đủ các nội dung trong việc lập, quản lý hồ sơ theo dõi quản lý chất lượng nước.
- Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm: Cơ sở thực hiện đầy đủ tần suất chế độ nội kiểm theo quy định. Tần suất lấy mẫu xét nghiệm thực hiện đầy đủ theo QCVN 01-1:2018/BYT Các thông số thử nghiệm các Thông số nhóm A được thực hiện tại phòng xét nghiệm của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh đều đạt quy chuẩn.
- Tình hình chất lượng nước: Trong kỳ kiểm tra nguồn nước của các cơ sở không có thông số nào bất thường, tất cả các thông số được xét nghiệm đạt QCVN 01-1:2018/BYT.
- Chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước: Thông tin về chất lượng nước của Công ty được công khai trên trang Web của Công ty. Thực hiện đầy đủ báo cáo theo quy định của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Kế hoạch cấp nước an toàn: Cơ sở chưa thực hiện do chưa cập nhật được các văn bản về kế hoạch cấp nước an toàn của tỉnh nên chưa có cơ sở để xây dựng.

1.2. Công ty Cổ phần nước sạch Hòa Bình (11 cơ sở):

- Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước: Cơ sở thực hiện đầy đủ các nội dung trong việc lập, quản lý hồ sơ theo dõi quản lý chất lượng nước.

- Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm: Cơ sở thực hiện đầy đủ tần suất chế độ nội kiểm theo quy định. Tần suất lấy mẫu xét nghiệm thực hiện đầy đủ theo QCVN 01-1:2018/BYT Các thông số thử nghiệm các Thông số nhóm A được thử nghiệm 05 thông số tại phòng thí nghiệm của đơn vị, 02 thông số (Coliform tổng số và E.coli) được thử nghiệm tại phòng xét nghiệm của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đều đạt quy chuẩn.

- Tình hình chất lượng nước: Trong kỳ kiểm tra nguồn nước của các cơ sở không có thông số nào bất thường, tất cả các thông số được xét nghiệm đạt QCVN 01-1:2018/BYT.

- Chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước: Tất cả các thông tin về chất lượng nước được công khai trên website của tổng Công ty. Cơ sở thực hiện đầy đủ báo cáo theo quy định của Thông tư 41/2018/TT-BYT.

- Kế hoạch cấp nước an toàn: Công ty cổ phần nước sạch đã thực hiện xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn và trình lên cấp có thẩm quyền nhưng chưa được phê duyệt.

1.3. Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh (03 cơ sở):

- Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước: Cơ sở chưa thực hiện các nội dung trong việc lập, quản lý hồ sơ theo dõi quản lý chất lượng nước.

- Tần suất thực hiện chế độ nội kiểm: Cơ sở thực hiện chưa đầy đủ tần suất chế độ nội kiểm theo quy định.

- Tình hình chất lượng nước: Các kết quả thử nghiệm chất lượng nước không được lưu giữ tại cơ sở do vậy cán bộ phụ trách cũng không nắm được.

- Chế độ công khai thông tin và báo cáo chất lượng nước: Không công khai.

- Kế hoạch cấp nước an toàn: Cơ sở chưa thực hiện.

2. Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện lấy 45 mẫu của 15 cơ sở cấp nước theo Quy định Thông tư 41/2018/TT-BYT, các mẫu nước được Trung tâm Kiểm soát bệnh tật mang về thử nghiệm tại khoa xét nghiệm của đơn vị và thực hiện đo Clo dư tại chỗ, kết quả như sau:

- Thời gian lấy mẫu: từ 17/10/2022 đến 17/11/2022

- Tổng số mẫu được lấy: 45 mẫu;

- Tổng số mẫu làm xét nghiệm: 45 mẫu;

- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 36 mẫu thuộc 12 cơ sở cấp nước thuộc Công ty Cổ phần nước sạch Hòa Bình và Công ty Cổ phần thương mại Dạ Hợp chiếm tỷ lệ 80%;

- Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: 09 mẫu thuộc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh, chiếm tỷ lệ 20%. Trong đó:

+ 09 mẫu không đạt về Hàm lượng Clo dư;

+ 09 mẫu không đạt về Coliform tổng số;

+ 08 mẫu không đạt về E.coli;

(có Bảng tổng hợp kết quả chi tiết đính kèm)

II. Kiến nghị:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đề nghị:

- Các cơ sở cung cấp nước trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện lập Hồ sơ cấp nước an toàn của đơn vị để xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đảm bảo thực hiện tốt việc quản lý vận hành hệ thống cấp nước.

- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:

+ Thực hiện đầy đủ lập hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước và có hồ sơ lưu tại các cơ sở cấp nước của Đơn vị.

+ Thực hiện chế độ nội kiểm, thử nghiệm các thông số, công khai thông tin theo đúng quy định.

+ Căn cứ các kết quả xét nghiệm có phương án khắc phục chất lượng nước đảm bảo an toàn sử dụng cho người dân và có báo cáo khắc phục gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Trên đây là Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt năm 2022 tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh nước sạch trên địa bàn tỉnh Hòa Bình của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh báo cáo Sở Y tế và thông báo đến các đơn vị liên quan/.

Nơi nhận:

- Công ty nước sạch Hòa Bình;
- Nhà máy NS Sông Đà;
- Trung tâm NS&VSMTNT;
- Sở Y tế (Báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và PTNT
- GD, PGD TT;
- Lưu: VT, SKMT, TTGDSK.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Ái Hương

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Bản hành kèm theo Thông báo số 66 /TB-KSBT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh



STT	mã số mẫu	Cơ sở cấp nước	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích (giới hạn cho phép)							
				màu sắc (-)	Mùi vị (Không mùi vị lạ)	pH (6,0-8,5)	Độ đục (2)	Hàm lượng Asen	Hàm lượng Clo dư (0,2-1,0)	Coliform tổng số (<3)	E.coli (<1)
1	22.502.N	Trạm cấp nước Yên Thủy	Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,24	0,38	$<0,0010$	0,57	KPH	KPH
2	22.503.N		HGD Trần Văn Trường	Không màu	Không mùi vị lạ	7,56	0,4	$<0,0010$	0,31	KPH	KPH
3	22.504.N		HGD Trần Văn Dương	Không màu	Không mùi vị lạ	7,02	0,46	$<0,0010$	0,54	KPH	KPH
4	22.505.N	Trạm cấp nước Lạc Sơn	Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,74	0,43	$<0,0010$	0,9	KPH	KPH
5	22.506.N		HGD Nguyễn Trùng Hùng	Không màu	Không mùi vị lạ	7,32	0,53	$<0,0010$	0,73	KPH	KPH
6	22.507.N		HGD Nguyễn Văn Lương	Không màu	Không mùi vị lạ	7,05	0,38	$<0,0010$	0,94	KPH	KPH
7	22.508.N	Trạm cấp nước Tân Lạc	Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,18	0,73	$<0,0010$	0,57	KPH	KPH
8	22.509.N		HGD Lương Thị Thảo Nô	Không màu	Không mùi vị lạ	7,21	0,84	$<0,0010$	0,66	KPH	KPH
9	22.510.N		Xí nghiệp nước Tân Lạc	Không màu	Không mùi vị lạ	7,33	0,45	$<0,0010$	0,49	KPH	KPH
10	22.511.N	Trạm cấp nước Mai Châu	Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	6,98	0,4	$<0,0010$	0,55	KPH	KPH
11	22.512.N		HGD Nguyễn Thị Như Hoa	Không màu	Không mùi vị lạ	7,15	0,43	$<0,0010$	0,26	KPH	KPH
12	22.513.N		HGD Vũ Văn Nam	Không màu	Không mùi vị lạ	7,42	0,5	$<0,0010$	0,57	KPH	KPH
13	22.514.N	Trạm cấp nước Cao Phong	HGD Đặng Văn Luyến	Không màu	Không mùi vị lạ	7,51	0,43	$<0,0010$	0,71	KPH	KPH
14	22.515.N		HGD Đinh Mạnh Tường	Không màu	Không mùi vị lạ	7,12	0,79	$<0,0010$	0,34	KPH	KPH
15	22.516.N		Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,73	0,46	$<0,0010$	0,54	KPH	KPH
16	22,520.N	Trạm cấp nước Lương Sơn	Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,35	0,45	$<0,0010$	0,58	KPH	KPH
17	22.521.N		HGD TK6	Không màu	Không mùi vị lạ	6,84	0,38	$<0,0010$	0,57	KPH	KPH
18	22.522.N		HGD Năm Lu	Không màu	Không mùi vị lạ	7,62	0,42	$<0,0010$	0,46	KPH	KPH
19	22.523.n	Trạm cấp nước Bờ phải	HGD Nguyễn Thị Tor	Không màu	Không mùi vị lạ	7,71	0,32	$<0,0010$	0,26	KPH	KPH
20	22.524.N		HGD Phan Thịnh	Không màu	Không mùi vị lạ	7,38	0,46	$<0,0010$	0,71	KPH	KPH
21	22.525.N		Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,28	0,44	$<0,0010$	0,59	KPH	KPH
22	22.526.N	Trạm cấp nước Thanh Hà	HGD Dương Văn Phúc	Không màu	Không mùi vị lạ	6,88	0,5	$<0,0010$	0,29	KPH	KPH
23	22.527.N		HGD Nguyễn Kim Chi	Không màu	Không mùi vị lạ	7,22	0,49	$<0,0010$	0,51	KPH	KPH
24	22.528.N		Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,61	0,44	$<0,0010$	0,53	KPH	KPH
25	22.529.N	Trạm cấp nước Lạc Thủy	HGD Nguyễn Thị Vân Thủy	Không màu	Không mùi vị lạ	7,27	0,37	$<0,0010$	0,85	KPH	KPH
26	22.530.N		Đội quản lý thị trường	Không màu	Không mùi vị lạ	8,05	0,52	$<0,0010$	0,77	KPH	KPH
27	22.531.N		Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,71	0,44	$<0,0010$	0,71	KPH	KPH



STT	Mã số mẫu	Cơ sở cấp nước	Địa điểm lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích (giới hạn cho phép)							
				màu sắc (-)	Mùi vị (Không mùi vị lạ)	pH (6,0-8,5)	Độ đục (2)	Hàm lượng Asen	Hàm lượng Clo dư (0,2-1,0)	Coliform tổng số (<3)	E.coli (<1)
28	22.532.N	Trạm cấp nước Bo	HGD Quách Thị Nhâm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,53	0,48	<0,0010	0,2	KPH	KPH
29	22.533.N		HGD DDỗ Thị Kim Ngân	Không màu	Không mùi vị lạ	7,66	0,43	<0,0010	0,27	KPH	KPH
30	22.534.N		Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	6,91	0,4	<0,0010	0,64	KPH	KPH
31	22.535.N	Trạm cấp nước Bãi Chạo	HGD Vũ Tá Thoa	Không màu	Không mùi vị lạ	7,78	1,06	<0,0010	0,48	KPH	KPH
32	22.536.N		HGD Bùi Văn Thiệu	Không màu	Không mùi vị lạ	6,89	1,35	<0,0010	0,8	KPH	KPH
33	22.537.N		Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,25	1,85	<0,0010	0,71	KPH	KPH
34	22.556.N	Nhà máy nước sạch Sông Đà	Bể chứa nước thành phẩm	Không màu	Không mùi vị lạ	7,18	0,031	<0,0010	0,74	KPH	KPH
35	22.557.N		Tòa nhà DH6	Không màu	Không mùi vị lạ	7,73	0,018	<0,0010	0,2	KPH	KPH
36	22.558.N		Khách sạn vì Hòa Bình	Không màu	Không mùi vị lạ	7,26	0,03	<0,0010	0,22	KPH	KPH
37	22.564.N	Công trình cấp nước Xâm Khê	HGD Vi Thị Hinh	Không màu	Không mùi vị lạ	6,86	0,031	<0,0034	0,03	52	15(T)
38	22.565.N		HGD Nguyễn Thị Liên	Không màu	Không mùi vị lạ	7,03	0,018	<0,0037	0,05	37	12(T)
39	22.566.N		HGD Nguyễn Thanh Hương	Không màu	Không mùi vị lạ	6,97	0,09	<0,0035	KPH (<0,02)	27	13(T)
40	22.568.N	Công trình cấp nước Mỹ Hòa	HGD Quách Thị Dung	Không màu	Không mùi vị lạ	6,87	0,014	<0,0010	0,04	23	10
41	22.569.N		HGD Nguyễn Tiến Hạnh	Không màu	Không mùi vị lạ	6,56	0,05	<0,0010	0,02	73	11
42	22.570.N		HGD Phạm Văn Tân	Không màu	Không mùi vị lạ	6,92	0,016	<0,0010	KPH (<0,02)	118	10
43	22.571.N	Công trình cấp nước Chiềng Châu	HGD Mặc Văn Thảo	Không màu	Không mùi vị lạ	7,08	0,02	<0,0010	0,06	80	1
44	22.572.N		HGD Lê Văn Hoan	Không màu	Không mùi vị lạ	7,19	0,018	<0,0011	0,04	82	KPH
45	22.573.N		HGD Ngân Văn Mùi	Không màu	Không mùi vị lạ	6,79	0,027	<0,0012	KPH (<0,02)	22	3